ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN HOA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 178/TB-UBND	*Tiên Hoa, ngày 06 tháng 7 năm 2026*

THÔNG BÁO
Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tiên Hoa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã Tiên Hoa thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2026, cụ thể như sau:

1. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2026

1.1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2026 (Chi tiết có Mẫu biểu kèm theo).

1.2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2026.

2. Hình thức công khai: Cổng thông tin điện tử xã và gửi Thông báo công khai cho các đơn vị liên quan.

Ủy ban nhân dân xã Tiên Hoa thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2026./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND xã;
- Các phòng: Kinh tế, Văn hóa- Xã hội xã;
- Trung tâm: Dịch vụ tổng hợp, Phục vụ Hành chính công xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

Để b/c

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Quang Vinh

UBND Xã Tiên Hoa

Biểu số 113/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiên	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	**239.446.000.000**	**82.302.953.100**	**34,37**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	514.000.000	31.515.976	6,13
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	21.125.000.000	754.046.335	3,57
3	Thu bổ sung	217.807.000.000	64.717.475.800	29,71
-	Bổ sung cân đối	182.164.000.000	45.540.999.000	25,00
-	Bổ sung có mục tiêu	35.643.000.000	19.176.476.800	53,80
4	Thu kết dư		16.799.914.989	
5	Thu chuyển nguồn			
	TỔNG SỐ CHI	**239.446.000.000**	**41.963.261.893**	**17,53**
1	Chi đầu tư phát triển	18.825.000.000	1.389.733.637	7,38
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	181.141.000.000	40.573.528.256	22,40
3	Chi bổ sung mục tiêu	35.643.000.000		
4	Dự phòng	3.837.000.000		

UBND Xã Tiên Hoa

Biểu số 114/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiên		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**251.645.000.000**	**239.446.000.000**	**87.840.153.935**	**82.302.953.100**	**34,91**	**34,37**
I	**Các khoản thu hưởng 100%**	**514.000.000**	**514.000.000**	**72.557.754**	**31.515.976**	**14,12**	**6,13**
	Các loại phí, lệ phí	70.000.000	70.000.000	30.044.000	22.354.000	42,92	31,93
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	350.000.000	350.000.000	840.000	840.000	0,24	0,24
	Thu khác	94.000.000	94.000.000	184.281	184.281	0,20	0,20
II	**Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %**	**33.324.000.000**	**21.125.000.000**	**6.250.205.392**	**754.046.335**	**18,76**	**3,57**
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	350.000.000	350.000.000	3.803.509.948	147.015.939	1086,72	42,00
	Thuế thu nhập cá nhân	1.380.000.000	420.000.000	484.821.563	144.477.999	35,13	34,40
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	3.700.000.000	1.320.000.000	1.353.761.928	450.242.844	36,59	34,11
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200.000.000	200.000.000	12.309.553	12.309.553	6,15	6,15
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	10.000.000	10.000.000	595.802.400		5958,02	0,00
	Thu tiền sử dụng đất	27.684.000.000	18.825.000.000				
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
III	Thu Viện trợ						
D	Thu chuyển nguồn						
E	Thu kết dư ngân sách			16.799.914.989	16.799.914.989		
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**217.807.000.000**	**217.807.000.000**	**64.717.475.800**	**64.717.475.800**	**29,71**	**29,71**
1	Bổ sung cân đối	182.164.000.000	182.164.000.000	45.540.999.000	45.540.999.000	25,00	25,00
2	Bổ sung có mục tiêu	35.643.000.000	35.643.000.000	19.176.476.800	19.176.476.800	53,80	53,80

UBND Xã Tiên Hoa

Biểu số 115/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	239.446.000.000	18.825.000.000	220.621.000.000	41.963.261.893	1.389.733.637	40.573.528.256	17,53	7,38	18,39
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	94.176.000.000		94.176.000.000	16.690.824.094	82.305.818	16.608.518.276	17,72		17,64
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	1.270.000.000		1.270.000.000	35.000.000		35.000.000	2,76		2,76
3	Chi y tế	11.532.000.000		11.532.000.000	5.070.660.600		5.070.660.600	43,97		43,97
4	Chi văn hóa, thông tin, TDTT, truyền thanh	1.462.000.000		1.462.000.000	235.079.351		235.079.351	16,08		16,08
5	Chi bảo vệ môi trường	1.187.000.000		1.187.000.000						
6	Chi các hoạt động kinh tế	26.524.000.000		26.524.000.000	94.700.000		94.700.000	0,36		0,36
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	32.028.000.000		32.028.000.000						
8	Chi cho công tác xã hội	9.544.000.000		9.544.000.000	1.441.532.819	1.307.427.819	134.105.000	15,10		1,41
9	Chi quốc phòng	1.114.000.000		1.114.000.000	10.274.646.679		10.274.646.679	922,32		922,32
10	Chi an ninh	90.000.000		90.000.000	7.576.460.650		7.576.460.650	8418,29		8418,29
11	Chi khen thưởng	907.000.000		907.000.000	287.531.000		287.531.000	31,70		31,70
12	Chi khác	1.307.000.000		1.307.000.000	256.826.700		256.826.700	19,65		19,65
B	Dự phòng ngân sách	3.837.000.000		3.837.000.000						
C	Chi bổ sung mục tiêu	35.643.000.000		35.643.000.000						